

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 13 - 6 - 2017  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thùy My

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ràng  
2. Ông Nguyễn Chung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa:** Ông Trương Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 35/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 52/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm: 1990

Trú tại: Tổ A, phường B, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt tại phiên tòa.

*2. Bị đơn:* Ông B, sinh năm: 1983

Trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà A trình bày:* Bà và ông B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N vào ngày 08 tháng 8 năm 2011. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do ông

B thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng, đánh đập bà A. Bà A cũng đã nhiều lần nhắc nhở, bỏ qua nhưng ông B vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc; hôn nhân không thể kéo dài. Từ tháng 10/2016 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau.

Nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Bùi Thị C, sinh ngày 28/3/2012; hiện nay cháu C do bà A trông nom, nuôi dưỡng nên bà A yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến trưởng thành; bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần cho bị đơn nhưng ông B không đến. Vì vậy, ông B không thực hiện các thủ tục tố tụng tại Tòa.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:* Trong quá trình tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, bà A và ông B tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 8 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa nên quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà A và ông B phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn; lời khai của bà A là có cơ sở, ông B vắng mặt là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông B.

Tại phiên tòa, bà A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà A và ông B tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2011, quyền số:

01/2011 vào ngày 08 tháng 8 năm 2011. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B là hợp pháp.

*Xét yêu cầu của đương sự:* Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do ông B thường xuyên uống rượu, bà A nhiều lần khuyên can, nhắc nhở, bỏ qua nhưng ông B không chịu từ bỏ.

Bên cạnh đó, ông B không chăm lo cho gia đình, bà A cũng đã nhiều lần nhờ hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Cho thấy, ông B sống không có trách nhiệm với gia đình, không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng; từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay ông bà không còn chung sống với nhau. Việc bà A đã bỏ về nhà ngoại sống cùng con từ giữa năm 2016 đến nay cho thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại phiên tòa, ông B vắng mặt nhiều lần như vậy đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, cho thấy ông B cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để duy trì cuộc sống chung nên lời khai của bà A là có căn cứ.

Do vậy, xét thấy tình cảm của bà A không còn với ông B, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà A yêu cầu ly hôn ông B là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị C, sinh ngày 28/3/2012; bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong vụ án này, xét thấy bà A có thu nhập ổn định; từ khi bà A và ông B sống ly thân việc nuôi dưỡng cháu C là do bà A trực tiếp đảm nhiệm. Vì vậy, bà A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận, cần giao cháu C cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Khoản 1 Điều 232, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. Bà A được ly hôn với ông B.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Thị C, sinh ngày 28/3/2012 cho bà A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà A phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0013019 ngày 06/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N; bà A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

*(Đã ký)*

**Phạm Thùy My**